TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH BĐ** Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST Ngày: 30/9/2022 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thươn

2. Bà Đinh Thị Vang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đức Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh BĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh BĐ tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh BĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn AN, xã VT, huyện VT, tỉnh BĐ – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn AN, xã VT, huyện VT, tỉnh BĐ – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2022, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, tổ chức lễ cưới vào khoảng tháng 3 năm 2002, đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2003 tại UBND xã VT, huyện VT, tỉnh BĐ. Sau khi kết hôn năm 2003, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc khá lâu, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, do ông H bài bạc, thiếu tiền chơi bài nên nhiều lần cầm cắm

đồ đạc trong gia đình. Khi hỏi tiền vợ để chơi bài, vợ không cho, ông H bực tức, chửi mắng, vợ chồng kình cãi, ông H đánh bà rất nhiều lần. Tình trạng này diễn ra liên tục, kéo dài, gia đình phía ông H biết chuyện có khuyên ông H nhưng ông H không nghe, gia đình bất lực nên bỏ mặc luôn. Bà khuyên chồng không được, hết cách nên sống lầm lũi trong gia đình, chỉ biết cố gắng làm ăn kiếm tiền nuôi 02 con. Tuy vợ chồng mâu thuẫn như vậy nhưng bà không báo Tổ hòa giải để giải quyết. Bà vô cùng mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân của mình, vợ chồng chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, ly thân, không quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Nên nay bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn chồng là ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung, là các cháu Nguyễn Huỳnh Nh (sinh ngày: 28/02/2004) và Nguyễn Tùng Th (sinh ngày: 06/8/2005). Hiện nay các cháu đều đang sống với vợ chồng bà. Cháu Nh đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Th nay 17 tuổi, bà yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của cháu Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Nay bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N, cho bà N được ly hôn ông H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà N, giao cháu Th cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi; Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông H cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh BĐ theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn bà N chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông H tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2003 tại UBND xã VT, huyện VT, tỉnh BĐ – Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung ban đầu của bà N và ông H hạnh phúc, nhưng đến năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do ông H không tu chí làm ăn, bài bạc, cầm cắm tài sản, bạo lực gia đình. Vợ và gia đình khuyên không được, vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, mặc ai nấy sống.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng ông H không thiện chí, không hợp tác. Tại phiên tòa, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn ông H. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Riêng Cháu Nh đã trưởng thành, phát triển bình thường; Cháu Th có nguyện vọng sống theo mẹ. Xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Th, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Th cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà N pH chịu 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước, nhưng bà N được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ cận nghèo năm 2022.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N, bà N được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim N, về việc: Giao con chung của bà N và ông H, là cháu Nguyễn Tùng Th (sinh ngày: 06/8/2005) cho bà N được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Th được sống chung với người trực tiếp nuôi (Bà N). Sau khi ly hôn, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông H. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim N được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ cận nghèo năm 2022.

Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông H không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày ông H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BĐ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn; (UBND xã VT, VT, BĐ).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Đào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thươn **Đinh Thị Vang** **Đinh Thị Mai Đào**